

Số: 2732/QĐ-HCQG

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số Điều và Phụ lục tại Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-HCQG ngày 30/3/2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông báo số 845/TB-HCQG ngày 1/7/2021 của Học viện Hành chính Quốc gia Kết luận cuộc họp về việc thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Soạn thảo sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Hành chính Quốc gia và Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số Điều và Phụ lục tại Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-HCQG ngày 30/3/2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia (Phụ lục điều chỉnh kèm theo).

**Điều 2.** Các nội dung khác tại Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-HCQG ngày 30/3/2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia tiếp tục thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẾN  
Số: 815  
Ngày: 11/10/2021  
Chuyên:  
Số hồ sơ số:





**Điều 4.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Quản lý bồi dưỡng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Giám đốc Học viện;
- Các Phó Giám đốc Học viện;
- Vụ KH-TC, Bộ Nội vụ (để b/c);
- Các đơn vị dự toán cấp III;
- Lưu: VT, KHTC.<sup>(30b)</sup>



**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Xuân Hoan**





## PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH

*Ban hành kèm theo Quyết định số 2732/QĐ-HCQG ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia*

Sửa đổi, bổ sung một số Điều và Phụ lục tại Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-HCQG ngày 30/3/2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia, chi tiết như sau:

### I. PHỤ LỤC 1: Thu kinh phí tổ chức học lại

a) *Mức lệ phí học lại cho lớp có từ 10 sinh viên trở lên*

- Hệ đại học, chuyển đổi

+ Hệ chính quy: 15.000 đồng/1 tiết/1sinh viên

+ Hệ vừa làm, vừa học; văn bằng II: 22.000 đồng/1 tiết/1sinh viên.

- Hệ bổ sung kiến thức chuyển đổi thi cao học: 22.000 đồng/1 tiết/1học viên

- Hệ sau đại học

+ Đào tạo thạc sĩ: 30.000 đồng/1 tiết/1học viên;

+ Đào tạo Tiến sĩ: 35.000 đồng/1 tiết/1học viên.

- Hệ bồi dưỡng: 50.000 đồng/1 tiết/1 học viên.

c) Trường hợp các lớp nêu trên không đủ 10 học viên, sinh viên thì phải học ghép lớp. Nếu chưa tổ chức được lớp ghép mà các học viên, sinh viên có nhu cầu học lại thì mức nộp của 1 học viên, sinh viên = tổng số phải nộp của 10 học viên, sinh viên chia đều số học viên, sinh viên có mặt học lại.

### II. PHỤ LỤC 5: Định mức chi thù lao giảng viên

#### 1. Chi trả thù lao giờ dạy vượt chuẩn

Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của giảng viên, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

Giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn khác vượt định mức giờ chuẩn được hưởng chế độ dạy thêm giờ đối với thời gian vượt định mức, nhưng không quá 300 giờ chuẩn trong 01 năm”. Học viện thanh toán thù lao giờ dạy vượt chuẩn cho giảng viên cơ hữu của Học viện theo công thức tính tiền lương dạy thêm giờ như sau:

- Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;

- Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

- Tiền lương 01 giờ dạy:

$$\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{22,5 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}}$$



**2. Chi trả thù lao giờ dạy vượt chuẩn cho giảng viên kiêm chức ngoài biên chế đơn vị giảng dạy.**

Sau khi thực hiện số tiết đứng lớp thuộc nghĩa vụ và các chế độ liên quan quy định tại khoản 2,3 Điều 16 của Quy chế, giảng viên kiêm chức ngoài biên chế của đơn vị giảng dạy được chi trả thù lao theo chế độ chi vượt giờ nêu trên.

**3. Chi trả giờ giảng cho chuyên gia, giảng viên trong nước được mời giảng**

3.1. Chế độ chi trả cho chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia giảng dạy, báo cáo viên các lớp thuộc hệ đào tạo

a) Hệ số áp dụng:

- Hệ đào tạo cử nhân: Hệ số 1,0
- Hệ đào tạo trình độ Thạc sĩ: 1,2;
- Hệ đào tạo trình độ Tiến sĩ: 1,5;

b) Mức chi

*Đơn vị tính: đồng/tiết*

STT	Chức danh, học hàm của giảng viên	Học vị		
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tiến sĩ KH
1	Giảng viên và tương đương	70.000	80.000	85.000
2	Giảng viên chính và tương đương	80.000	90.000	95.000
3	Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, tương đương	90.000	100.000	105.000
4	Giáo sư		120.000	125.000

3.2. Chế độ chi trả cho chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia giảng dạy, báo cáo viên các lớp hệ bồi dưỡng (không thực hiện quy đổi)

*Đơn vị tính: đồng/tiết*

Chức danh, học hàm, học vị của giảng viên	Loại hình lớp			
	Nhóm I	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV
- Giảng viên là Thạc sĩ	80.000	100.000		
- Giảng viên là Tiến sĩ, Giảng viên chính và tương đương	120.000	150.000		
- Phó Giáo sư, giảng viên cao cấp và tương đương, Lãnh đạo cấp Vụ, Viện, Cục	150.000	200.000	300.000	
- Giáo sư, chuyên gia cấp cao và tương đương, Thứ trưởng, Lãnh đạo cấp tỉnh, Thành phố		300.000	425.000	450.000
- Ủy viên TW Đảng, Bộ trưởng, Bí thư tỉnh ủy, cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước			500.000	500.000



**Ghi chú:**

- **Nhóm I:** Bồi dưỡng chuyển đổi thi cao học, bồi dưỡng theo ngạch chương trình chuyên viên, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp xã, các lớp bồi dưỡng trước khi tuyển dụng công chức, viên chức, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ khác cho công chức, viên chức.

- **Nhóm II:** Bồi dưỡng theo ngạch chương trình CVC và tương đương; bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo cấp phòng và tương đương; bồi dưỡng Giảng viên dạy QLNN; bồi dưỡng cho đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo, thi đua khen thưởng...

- **Nhóm III:** Bồi dưỡng theo ngạch chương trình CVCC, Bồi dưỡng lãnh đạo cấp Vụ và tương đương, cấp Sở và tương đương, cấp Huyện và tương đương, bồi dưỡng, bồi dưỡng lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập..

- **Nhóm IV:** Bồi dưỡng chuyên gia cao cấp, bồi dưỡng khi bổ nhiệm cấp Thứ trưởng và tương đương, bồi dưỡng lãnh đạo cấp tỉnh và tương đương, lớp học giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ..

### III. PHỤ LỤC 8: Định mức chi thù lao trực tiếp các hội đồng phục vụ công tác đào tạo và quản lý đào tạo sau đại học

*Thanh toán trực tiếp, không thực hiện quy đổi ra giờ chuẩn*

STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
<b>A</b>	<b>TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ</b>		
<b>I</b>	<b>Hội đồng tuyển sinh</b>		
<b>1</b>	<b>Hội đồng tuyển sinh</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/buổi	400.000
	- Phó chủ tịch	đồng/người/buổi	300.000
	- Ủy viên Thường trực	đồng/người/buổi	250.000
	- Ủy viên	đồng/người/buổi	200.000
<b>2</b>	<b>Ban chỉ đạo</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng Ban/Ủy viên TT	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
<b>3</b>	<b>Ban Đề thi</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng Ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
	- Người in, sao đề thi	đồng/người/buổi	200.000
	- Người trực đề thi	đồng/người/buổi	300.000
<b>4</b>	<b>Ban coi thi</b>	<b>đồng/người/buổi</b>	
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000



STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
	- Phó Trưởng Ban, Điểm trưởng	đồng/người/buổi	300.000
	- Thư ký Ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
<b>5</b>	<b>Đoàn Thanh tra</b>		
a	Thanh tra Học viện		
	- Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
b	Thanh tra Bộ Giáo dục		
	- Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	500.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	300.000
<b>6</b>	<b>Ban cơ sở vật chất</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng Ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
<b>7</b>	<b>Ban Thư ký</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng Ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thành viên	đồng/người/buổi	200.000
<b>8</b>	<b>Ban Chấm thi</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó Trưởng Ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thư ký phục vụ	đồng/người/buổi	100.000
	- Làm phách	đồng/bài	3.000
<b>9</b>	<b>Bảo vệ kỳ thi (Công an A 83)</b>	<b>đồng/người/buổi</b>	<b>300.000</b>
<b>10</b>	<b>Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét kết quả thi</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/đợt	400.000
	- Phó chủ tịch	đồng/người/đợt	350.000
	- Ủy viên	đồng/người/đợt	300.000
	- Thanh tra, Thư ký	đồng/người/đợt	100.000
	- Tổ thẩm tra	đồng/người/đợt	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/đợt	50.000



STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
<b>11</b>	<b>Hỗ trợ tuyển sinh</b>	<b>đồng/người/buổi</b>	
	- Phục vụ HC, phục vụ CVC trong thời gian tổ chức thi	đồng/người/buổi	100.000
	- Lập, thẩm định dự toán, thanh quyết toán (Lập 03 buổi; thẩm 02 buổi; thanh toán 05 buổi)	đồng/đợt (10 buổi)	1.000.000
	- Phục vụ cơ sở vật chất chấm thi, phục vụ hội đồng xét điều kiện, xét kết quả thi	đồng/đợt	500.000
	- Thanh tra giám sát chấm thi, làm phách, lên điểm	đồng/người/buổi	50.000
	- Thẩm tra hồ sơ dự thi, thẩm tra chứng chỉ ngoại ngữ, thẩm tra hồ sơ thuộc diện ưu tiên	đồng/hồ sơ	5.000
	- Phóng viên, báo, đài đưa tin	đồng/người/buổi	200.000
	- Sắp xếp bàn ghế, vệ sinh các phòng thi	đồng/phòng/buổi	50.000
	- Phục vụ kỹ thuật giảng đường	đồng/phòng/buổi	20.000
	- Phục vụ y tế	đợt tuyển sinh	300.000
	- Phục vụ Văn thư	đợt tuyển sinh	500.000
	- Chuyển điểm lên Website	đợt tuyển sinh	200.000
<b>II</b>	<b>Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sĩ</b>		
<b>1</b>	<b>Ban chỉ đạo, điều hành</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/hội đồng	30.000
	- Phó Trưởng Ban, UV thường trực	đồng/người/hội đồng	20.000
	- Thành viên, Thư ký	đồng/người/hội đồng	10.000
<b>2</b>	<b>Tiểu ban thông qua tên và đề cương luận văn Thạc sĩ</b>	<b>đồng/người/học viên</b>	
	- Trưởng tiểu ban	đồng/người/học viên	50.000
	- Thành viên	đồng/người/học viên	40.000
	- Thư ký	đồng/người/học viên	30.000
	- Phục vụ chuyên môn, hành chính	đồng/người/học viên	5.000
<b>3</b>	<b>Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ</b>		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/luận văn	500.000
	- Thư ký	đồng/người/luận văn	350.000



STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
	- Ủy viên phản biện/nhận xét	đồng/người/luận văn	450.000
	- Ủy viên hội đồng	đồng/người/luận văn	300.000
	- Người hướng dẫn tham dự	đồng/người/luận văn	100.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/luận văn	50.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/luận văn	30.000
<b>4</b>	<b>Hội đồng xét tốt nghiệp cho học viên cao học</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/đợt	400.000
	- Phó chủ tịch	đồng/người/đợt	350.000
	- Ủy viên thường trực	đồng/người/đợt	300.000
	- Ủy viên, Thư ký	đồng/người/đợt	200.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/đợt	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/đợt	50.000
<b>B</b>	<b>TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ</b>		
<b>1</b>	<b>Ban chỉ đạo, điều hành</b>		
	- Trưởng Ban	đồng/người/NCS	400.000
	- Phó trưởng Ban	đồng/người/NCS	350.000
	- Thành viên	đồng/người/NCS	300.000
<b>2</b>	<b>Họp hội đồng xét điều kiện dự thi; hội đồng xét kết quả thi; hội đồng xét cấp bằng tốt nghiệp</b>		
	- Chủ tịch	đồng/người/đợt	400.000
	- Phó chủ tịch	đồng/người/đợt	350.000
	- Ủy viên	đồng/người/đợt	300.000
	- Thanh tra, Thư ký	đồng/người/đợt	100.000
	- Tổ thẩm tra	đồng/người/đợt	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/đợt	50.000
<b>3</b>	<b>Tiểu ban chuyên môn - Hội đồng TS đào tạo trình độ tiến sĩ</b>		
	- Trưởng tiểu ban	đồng/người/NCS	200.000
	- Phó Trưởng tiểu ban, Thành viên	đồng/người/NCS	150.000
	- Thư ký tiểu ban	đồng/người/NCS	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/buổi	50.000



STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
<b>4</b>	<b>Hội đồng đánh giá Bài tiểu luận tổng quan</b>		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/NCS	300.000
	- Thư ký Hội đồng	đồng/người/NCS	250.000
	- Thành viên Hội đồng	đồng/người/NCS	200.000
	- Người hướng dẫn	đồng/người/NCS	150.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/NCS	50.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/buổi	50.000
<b>5</b>	<b>Hội đồng thông qua ĐC chi tiết</b>		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/đề cương	250.000
	- Thư ký Hội đồng	đồng/người/đề cương	200.000
	- Thành viên Hội đồng	đồng/người/đề cương	200.000
	- Người hướng dẫn	đồng/người/đề cương	150.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/đề cương	50.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/đề cương	50.000
<b>6</b>	<b>Tiểu ban chấm chuyên đề nghiên cứu sinh</b>		
	- Trưởng tiểu ban	đồng/người/NCS	250.000
	- Thư ký tiểu ban	đồng/người/NCS	200.000
	- Ủy viên	đồng/người/NCS	200.000
	- Người hướng dẫn tham dự	đồng/người/NCS	150.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/NCS	50.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/NCS	50.000
<b>7</b>	<b>Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở</b>		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/luận án	650.000
	- Ủy viên Thư ký	đồng/người/luận án	550.000
	- Ủy viên phản biện/nhận xét	đồng/người/luận án	600.000
	- Ủy viên Hội đồng	đồng/người/luận án	450.000
	- Người hướng dẫn dự bảo vệ	đồng/người/luận án	250.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/luận án	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/luận án	30.000



STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
<b>8</b>	<b>Tổ chức phản biện độc lập</b>		
	- Lãnh đạo Học viện	đồng/người/luận án	250.000
	- Người thực hiện tác nghiệp 2	đồng/người/luận án	200.000
	- Nhà khoa học phản biện độc lập (tối đa 3 nhà khoa học)	đồng/người/luận án	2.000.000
<b>9</b>	<b>Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện</b>		
	- Chủ tịch Hội đồng	đồng/người/luận án	700.000
	- Thư ký	đồng/người/luận án	600.000
	- Ủy viên phản biện/nhận xét	đồng/người/luận án	600.000
	- Ủy viên Hội đồng	đồng/người/luận án	500.000
	- Đại diện cơ sở đào tạo	đồng/người/luận án	200.000
	- Người hướng dẫn dự bảo vệ	đồng/người/luận án	250.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/luận án	100.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/luận án	50.000
<b>C</b>	<b>CÁC HỘI ĐỒNG KHÁC, CÁC TIỂU BAN</b>		
	<b>Hội đồng xét học bổng, miễn giảm học phí, kỷ luật sinh viên...các tiểu ban xét hồ sơ, kết quả học tập các khóa bồi dưỡng</b>	<b>đồng/người/ buổi</b>	
	- Chủ tịch, Trưởng tiểu ban	đồng/người/buổi	300.000
	- Phó chủ tịch hội đồng, Phó trưởng tiểu ban	đồng/người/buổi	250.000
	- Thư ký hội đồng/Ủy viên; thư ký tiểu ban	đồng/người/buổi	200.000
	- Thành viên hội đồng, tiểu ban	đồng/người/buổi	150.000
	- Phục vụ chuyên môn	đồng/người/buổi	50.000
	- Phục vụ hành chính	đồng/người/buổi	30.000